

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HIỆP  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **70/2024/HNGĐST**  
Ngày 20-09-2024  
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

*- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.*

*- Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Đình.*

Ngày 20 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST–HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 4 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị **Đinh Vũ Thanh T** – sinh năm 1984

Địa chỉ: **ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

(Có mặt tại phiên tòa)

\* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T1** – sinh năm 1987

Địa chỉ: **ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

(Vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị **Đinh Vũ Thanh T** trình bày:*

Chị và anh **Nguyễn Thanh T1** tự quen nhau đi đến tổ chức cưới vào ngày 19/11/2011, được **UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/3/2012. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **T1** không lo làm ăn, nếu làm được đồng nào thì sử dụng hết không lo cho vợ con, ngoài ra anh **T1** thường sử dụng ma túy từ đó dẫn đến vợ chồng cãi nhau có lối sống không phù hợp, không thể tự giải quyết.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung :

1. **Nguyễn Đình L** – sinh ngày 22/8/2012
2. **Nguyễn Đình Khả Á** – sinh ngày 15/01/2019

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với chị **T**.

*Về tài sản chung, nợ chung:* chị **T** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:**

Về quan hệ hôn nhân: chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **T1**.

Về con chung: chị **T** xin được nuôi cháu **Nguyễn Đình L** – sinh ngày 22/8/2012 và cháu **Nguyễn Đình Khả Á** – sinh ngày 15/01/2019, chị **T** không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị **T** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh **Nguyễn Thanh T1** vắng mặt không lý do nên không có ý kiến.

**Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:
  - + Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, tuy nhiên Thẩm phán đã vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.
  - + Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
  - + Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt nên không thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Đinh Vũ Thanh T**.

+ *Về quan hệ con chung*: Đề nghị HĐXX tiếp tục giao cháu **Nguyễn Đình L** – sinh ngày 22/8/2012 và cháu **Nguyễn Đình Khả Á** – sinh ngày 15/01/2019 cho chị **Đinh Vũ Thanh T** nuôi dưỡng. Chị **T** không yêu cầu cấp dưỡng đề nghị HĐXX miễn xét.

Anh **Nguyễn Thanh T1** có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ *Về án phí*: chị **Đinh Vũ Thanh T2** phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của chị **Đinh Vũ Thanh T** được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

*Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị **Đinh Vũ Thanh T***, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị **T** và anh **T1** chung sống với nhau vào năm 2011, được Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh Kiên Giang, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30/2012, ngày 27/03/2012 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **T1** không lo làm ăn, nếu làm được đồng nào thì sử dụng hết không lo cho vợ con, ngoài ra anh **T1** thường sử dụng ma túy từ đó dẫn đến vợ chồng cãi nhau có lối sống không phù hợp và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

[2] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu được nuôi cháu **Nguyễn Đình L** – sinh ngày 22/8/2012 và cháu **Nguyễn Đình Khả Á** – sinh ngày 15/01/2019 của chị **Đinh Vũ Thanh T**.

Xét thấy cháu **Nguyễn Đình Khả Á** từ tháng 8/2020 đến nay do chị **T** trực tiếp nuôi cháu và vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu **Á**, mặt khác do cháu **Á** hiện nay còn nhỏ và là con gái cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Theo biên bản ghi nhận tiếp xúc, nguyện vọng của cháu **Nguyễn Đình L** có nguyện vọng được ở với mẹ là chị **T**, mặt khác hiện nay cháu **L** vẫn đang được chị **T** nuôi dưỡng và chị

**T** vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu. Do đó, yêu cầu của chị **T** là có cơ sở chấp nhận

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị **T** nuôi con không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị **T** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 55, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **T**.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: **Đình Vũ Thanh T** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 57, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**X:**

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Đình Vũ Thanh T**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** chị **Đình Vũ Thanh T** được ly hôn với anh **Nguyễn Thanh T1**.

**2. Về quan hệ con chung:** Giao cháu **Nguyễn Đình L** – sinh ngày 22/8/2012 và cháu **Nguyễn Đình Khả Á** – sinh ngày 15/01/2019 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Thanh T1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Nguyễn Thanh T1** được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

**3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** chị **Đình Vũ Thanh T** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008304, ngày 22 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh **Nguyễn Thanh T1** có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND Th Đ A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Đạo**